

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	220001	DƯƠNG THÚY AN	Nữ	13/05/2010	8.73	8.81	8.26	8.93	8.68	5.25	4.25	9.25	0.0	0.0	15.73	
2	220002	HUỲNH THANH AN	Nam	25/07/2010	8.84	8.98	9.04	9.18	9.01	6.50	8.25	8.50	0.0	0.0	18.98	
3	220003	LÊ BẢO AN	Nữ	26/05/2009	9.13	8.71	8.94	8.55	8.83	7.00	5.50	5.00	0.0	0.0	14.90	
4	220004	NGÔ HỒ THỊ NGUYỄN AN	Nữ	15/12/2010	7.49	8.49	8.18	8.74	8.23	6.25	4.00	6.25	0.0	0.0	14.02	
5	220005	NGUYỄN PHÚC AN	Nam	01/01/2010	7.6	7.74	7.55	7.96	7.71	5.75	5.75	5.00	0.0	0.0	13.86	
6	220006	NGUYỄN THỊ GIA AN	Nữ	06/09/2010	9.01	7.91	7.4	8.04	8.09	5.50	2.50	3.00	0.0	0.0	10.13	
7	220007	PHẠM PHÚC AN	Nữ	01/06/2010	8.23	7.9	8.11	8.23	8.12	5.00	5.50	4.50	0.0	0.0	12.94	
8	220008	VÕ THANH AN	Nam	11/02/2010	6.29	6.68	6.64	6.58	6.55	4.75	4.50	4.25	0.0	0.0	11.42	
9	220009	BÙI ĐỨC ANH	Nam	07/11/2010	5.65	6.45	6.13	7.69	6.48	4.00	5.00	5.00	0.0	0.0	11.74	
10	220010	BÙI TUẤN ANH	Nam	29/06/2010	9.26	9.36	9.36	9.15	9.28	5.92	8.00	7.00	0.0	0.0	17.43	
11	220011	DƯƠNG VÕ TUẤN ANH	Nam	27/12/2009	5.64	4.86	5.08	5.34	5.23	3.25	2.50	2.75	0.0	0.0	7.52	
12	220012	ĐỖ PHÚC TRÂM ANH	Nữ	07/02/2010	8.44	8.45	8.68	8.79	8.59	6.75	5.75	6.75	0.0	0.0	16.05	
13	220013	LÊ KIM ANH	Nữ	05/09/2010	7.1	7.95	7.91	8.1	7.77	5.25	1.50	3.50	0.0	0.0	9.51	
14	220014	LÊ THỊ HUỲNH ANH	Nữ	27/12/2010	8.45	8.29	8.55	8.5	8.45	5.50	3.75	6.00	0.0	0.0	13.21	
15	220015	NGUYỄN HOÀI DUY ANH	Nam	11/11/2010	5.33	5.39	5.41	5.6	5.43	2.75	3.75	2.75	0.0	0.0	8.10	
16	220016	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	23/12/2010	9.01	8.48	8.1	8.54	8.53	5.50	3.25	5.00	0.0	0.0	12.18	
17	220017	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	30/10/2010	6.25	5.89	5.41	6.08	5.91	4.25	3.00	2.25	0.0	0.0	8.42	
18	220018	NGUYỄN HOÀNG KIM ANH	Nữ	16/05/2010	9.24	9.4	9.49	9.43	9.39	7.25	6.75	8.50	0.0	0.0	18.57	
19	220019	NGUYỄN HOÀNG PHÚC ANH	Nam	28/12/2009	4.88	5.74	5.63	6.18	5.61	3.00	4.00	3.75	0.0	0.0	9.21	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
20	220020	NGUYỄN THẢO TRÂM ANH	Nữ	23/06/2010	6.96	6.94	6.74	8.01	7.16	6.50	6.50	6.75	0.0	0.0	15.97	
21	220021	NGUYỄN THUY ANH	Nữ	03/01/2010	8.79	8.39	8.83	8.84	8.71	5.25	4.25	4.25	0.0	0.0	12.24	
22	220022	PHAN NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	06/04/2010	8.91	8.41	7.6	8.29	8.3	7.75	6.00	3.00	0.0	0.0	14.22	
23	220023	PHAN QUỲNH ANH	Nữ	03/02/2010	8.69	9.18	9.09	9.06	9.01	6.75	4.75	7.75	0.0	0.5	16.68	
24	220024	PHAN QUỲNH ANH	Nữ	30/09/2009	7.8	8.29	7.59	7.43	7.78	6.50	2.50	5.25	0.0	0.0	12.31	
25	220025	PHẠM THUY PHƯƠNG ANH	Nữ	02/05/2010	8.31	8.26	8.18	9.03	8.45	5.25	5.75	6.00	0.0	0.0	14.44	
26	220026	PHẠM THUY HUỲNH ANH	Nữ	04/01/2010	7.86	7.98	7.91	7.9	7.91	5.25	6.00	5.00	0.0	0.0	13.75	
27	220027	THẠCH PHAN TUẤN ANH	Nam	11/09/2010	7.25	6.93	7.16	6.99	7.08	2.75	4.00	3.25	0.0	0.0	9.12	
28	220028	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	07/09/2010	6.48	6.59	6.38	7.68	6.78	5.25	2.25	6.75	0.0	0.0	12.01	
29	220029	TRẦN NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	02/03/2010	8.75	8.6	9.19	8.63	8.79	5.00	4.50	6.75	0.0	0.0	14.01	
30	220030	NGÔ GIA BẢO	Nam	26/02/2010	7.81	7.85	7.89	8.14	7.92	6.00	2.75	4.00	0.0	0.0	11.30	
31	220031	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	14/11/2010	6.81	7.48	8.35	9.24	7.97	6.00	4.75	5.50	0.0	0.0	13.77	
32	220032	NGUYỄN THIÊN BẢO	Nam	28/01/2010	5.51	6.29	6.25	6.31	6.09	2.75	3.50	3.50	0.0	0.0	8.65	
33	220033	TRẦN GIA BẢO	Nam	21/02/2010	7.78	7.73	8.04	8.33	7.97	6.25	7.50	6.25	0.0	0.0	16.39	
34	220034	TRẦN NGUYỄN GIA BẢO	Nam	17/02/2010	5.11	5.56	6.06	6.36	5.77	5.50	4.25	4.75	0.0	0.0	11.88	
35	220035	TRẦN VĂN BẢO	Nam	01/05/2010	5.43	5.81	5.71	5.44	5.6	2.25	2.25	2.50	0.0	0.0	6.58	
36	220036	VÕ HOÀI BẢO	Nam	28/09/2010	6.95	7.09	7.01	7.41	7.12	3.75	6.50	2.75	0.0	0.0	11.24	
37	220037	VƯƠNG GIA BẢO	Nam	06/07/2010	6.24	5.94	5.03	7.09	6.08	3.50	2.00	4.50	0.0	0.0	8.82	
38	220038	LÊ THANH BÌNH	Nam	14/01/2010	5.88	5.26	6.16	6.9	6.05	3.50	2.25	2.75	0.0	0.0	7.77	
39	220039	NGUYỄN HỮU BÌNH	Nam	17/08/2010	8.78	9.13	9.13	8.9	8.99	5.00	7.50	6.75	0.0	0.0	16.17	
40	220040	NGUYỄN HOÀNG MINH CHÂU	Nữ	16/11/2010	5.75	6.41	6.8	7.21	6.54	4.00	2.25	2.25	0.0	0.0	7.91	
41	220041	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	Nữ	03/01/2010	9.11	9.46	9.18	9.49	9.31	5.75	5.75	7.75	0.0	0.0	16.27	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
42	220042	PHẠM VĂN CHIẾN	Nam	30/09/2010	5.16	5.44	5.79	6.2	5.65	1.25	1.50	2.75	0.0	0.0	5.55	
43	220043	PHAN THỊ KIM CÚC	Nữ	22/08/2010	6.5	6.75	7.39	7.08	6.93	4.50	2.50	3.25	0.0	0.0	9.25	
44	220044	PHAN THỊ KIM CƯƠNG	Nữ	27/01/2010	6.15	6.49	6.98	7.19	6.7	1.25	1.00	3.00	0.0	0.0	5.69	
45	220045	LÊ HOÀNG CƯỜNG	Nam	10/08/2010	6.3	5.51	5.33	6.1	5.81	2.00	3.00	4.00	0.0	0.0	8.04	
46	220046	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Nam	13/11/2010	7.75	6.94	6.75	7.79	7.31	6.25	4.50	6.25	0.0	0.0	14.09	
47	220047	ĐỒNG QUỐC DANH	Nam	28/10/2010	6.69	7.29	8.5	8.2	7.67	5.00	4.75	5.25	0.0	0.0	12.80	
48	220048	TRẦN TÙNG DANH	Nam	14/06/2010	7.03	6.74	5.35	6.51	6.41	5.00	4.00	4.00	0.0	0.0	11.02	
49	220049	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	15/01/2010	8.05	9.15	8.61	9.13	8.74	5.50	6.50	9.00	0.0	0.0	17.32	
50	220050	LÊ THỊ MỸ DUNG	Nữ	17/07/2010	8.28	8.25	8.55	8.68	8.44	5.50	3.00	5.25	0.0	0.0	12.16	
51	220051	NGUYỄN KIM DUNG	Nữ	01/03/2009	7	6.68	6.38	7.91	6.99	5.25	2.75	5.25	0.0	0.0	11.37	
52	220052	NGUYỄN ANH DUY	Nam	24/03/2010	6.61	7.11	7.98	8.38	7.52	6.00	5.25	2.75	0.0	0.0	12.06	
53	220053	NGUYỄN BÙI VŨ DUY	Nam	02/07/2010	6.3	7.06	8.18	7.18	7.18	3.00	2.00	4.25	0.0	0.0	8.63	
54	220054	TRẦN PHƯƠNG DUY	Nam	06/12/2010	7.11	6.54	5.94	6.84	6.61	4.75	2.75	3.25	0.0	0.0	9.51	
55	220055	VƯƠNG GIA DUY	Nam	24/04/2010	7.7	7.8	7.85	8.08	7.86	5.75	4.50	3.00	0.0	0.0	11.63	
56	220056	CAO THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	07/11/2010	6.53	6.88	7.84	7.64	7.22	5.25	2.25	3.75	0.0	0.0	10.04	
57	220057	NGUYỄN KỶ DUYÊN	Nữ	01/08/2010	7.6	6.83	6.98	7.35	7.19	3.75	3.75	3.25	0.0	0.0	9.68	
58	220058	NGUYỄN LÊ KỶ DUYÊN	Nữ	14/08/2010	6.13	6.94	7.18	7.7	6.99	3.50	3.50	3.75	0.0	0.0	9.62	
59	220059	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	16/09/2010	7.56	7.78	6.91	6.88	7.28	6.00	2.25	3.50	0.0	0.0	10.41	
60	220060	TRƯƠNG NGỌC KỶ DUYÊN	Nữ	21/09/2009	7.3	7.6	7.1	7.41	7.35	5.50	4.75	6.75	0.0	0.0	14.11	
61	220061	NGUYỄN TRUNG DŨNG	Nam	08/04/2010	9.03	9.24	8.86	9.26	9.1	7.50	4.75	7.75	0.0	0.0	16.73	
62	220062	LÊ NGỌC ÁNH DƯƠNG	Nữ	04/02/2010	9.09	8.28	8.13	9.06	8.64	7.00	4.25	7.25	0.0	0.0	15.54	
63	220063	LÊ THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	21/09/2010	6.49	7.35	7.28	7.58	7.18	4.50	3.00	4.75	0.0	0.0	10.73	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
64	220064	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	24/11/2010	7.83	7.48	8.24	7.94	7.87	3.75	2.75	3.75	0.0	0.0	9.54	
65	220065	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Nam	13/08/2010	7.39	7.53	6.7	7.5	7.28	3.75	5.75	4.25	0.0	0.0	11.81	
66	220066	PHAN QUỐC ĐẠI	Nam	09/04/2010	5.69	5.48	6.51	7.59	6.32	4.00	2.25	2.75	0.0	0.0	8.20	
67	220067	ĐÀO MINH ĐẠT	Nam	30/12/2010	7.21	7.03	6.9	8.03	7.29	5.00	6.25	4.75	0.0	0.0	13.39	
68	220068	HÀ GIA ĐẠT	Nam	30/09/2010	7.71	7.88	8	7.93	7.88	4.75	6.50	7.00	0.0	0.0	15.14	
69	220069	HỒ TIẾN ĐẠT	Nam	20/09/2010	9.65	9.59	9.73	9.39	9.59	5.25	6.50	6.00	0.0	1.0	16.30	
70	220070	LÊ THÀNH ĐẠT	Nam	22/04/2010	5.61	5.91	5.81	6.73	6.02	3.00	2.50	3.50	0.0	0.0	8.11	
71	220071	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	19/04/2010	6.95	7.25	6.96	7	7.04	4.25	3.00	4.50	0.0	0.0	10.34	
72	220072	PHẠM PHONG ĐẠT	Nam	27/03/2010	7.09	7.34	7.93	8.45	7.7	5.75	2.75	4.25	0.0	0.0	11.24	
73	220073	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	07/06/2010	7.55	7.13	6.83	6.95	7.12	2.25	2.75	1.75	0.0	0.0	6.86	
74	220074	TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	27/06/2010	7.56	7.54	8.29	7.54	7.73	4.00	0.75	4.75	0.0	0.0	8.97	Liệt
75	220075	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	24/09/2010	5.45	6.4	6.58	6.51	6.24	2.75	2.50	3.25	0.0	0.0	7.82	
76	220076	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	13/07/2010	7.14	7.09	7.04	6.99	7.07	4.75	3.50	6.25	0.0	0.0	12.27	
77	220077	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	18/02/2010	6.39	6.81	6.94	6.76	6.73	4.25	5.00	2.75	0.0	0.0	10.42	
78	220078	PHẠM HẢI ĐĂNG	Nam	05/01/2010	8.29	7.73	8.04	8.83	8.22	4.75	4.00	6.00	0.0	0.0	12.79	
79	220079	TRẦN MINH ĐĂNG	Nam	01/06/2010	6.25	6.1	6.39	6.75	6.37	4.00	3.00	3.75	0.0	0.0	9.44	
80	220080	NGUYỄN VĂN ĐẶNG	Nam	28/01/2010	7.51	7.15	7.08	8.64	7.6	5.00	5.50	6.50	0.0	0.0	14.18	
81	220081	NGUYỄN THÀNH ĐÔ	Nam	25/11/2010	6.41	7.29	7.74	8.48	7.48	4.75	5.25	5.00	0.0	0.0	12.74	
82	220082	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	Nữ	14/10/2010	5.94	5.93	5.96	6.6	6.11	3.50	1.75	4.25	0.0	0.0	8.48	
83	220083	NGUYỄN THỊ CẨM GIÀU	Nữ	23/07/2010	6.25	5.63	6.93	6.96	6.44	4.25	3.25	2.75	0.0	0.0	9.11	
84	220084	BÙI THỊ MỸ HÀ	Nữ	19/05/2010	8	8.36	8.69	8.35	8.35	5.50	3.50	4.75	0.0	0.0	12.13	
85	220085	ĐỖ NGỌC HÀ	Nữ	20/04/2010	6.31	6.01	6.1	6.78	6.3	4.00	2.50	2.75	0.0	0.0	8.37	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U'T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
86	220086	NGUYỄN THÁI HÀ	Nữ	27/08/2010	6.46	6.79	6.34	6.76	6.59	4.50	2.50	3.50	0.0	0.0	9.33	
87	220087	PHẠM NGỌC HÀ	Nữ	30/03/2010	8.18	8.1	7.43	7.79	7.88	3.50	3.75	5.00	0.0	0.0	10.94	
88	220088	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Nữ	29/11/2010	7.09	7.83	7.7	7.79	7.6	3.50	5.50	2.75	0.0	0.0	10.51	
89	220089	ĐẶNG THỊ DIỄM HÀNG	Nữ	25/05/2010	6.96	7.59	6.95	8.01	7.38	5.25	5.00	4.50	0.0	0.0	12.54	
90	220090	HUỲNH GIA HÂN	Nữ	14/03/2010	7.69	7.69	7.66	7.54	7.65	5.00	1.75	3.50	0.0	0.0	9.47	
91	220091	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	01/01/2010	8.05	8.31	8.44	8.75	8.39	6.00	4.75	5.50	0.0	0.0	13.89	
92	220092	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	17/09/2010	8.55	7.75	7.34	7.36	7.75	6.00	5.50	3.75	0.0	0.0	13.00	
93	220093	PHAN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	29/08/2010	8.8	8.3	7.46	7.4	7.99	3.50	3.75	3.25	0.0	0.0	9.75	
94	220094	TRƯƠNG THỊ NGỌC HÂN	Nữ	24/03/2010	7.15	7.44	7.34	8.29	7.56	6.50	3.50	5.00	0.0	0.0	12.77	
95	220095	HUỲNH PHÚC HẬU	Nam	04/03/2010	8.9	8.68	9.24	9.31	9.03	7.00	5.25	6.00	0.0	0.0	15.48	
96	220096	NGUYỄN MINH HẬU	Nam	27/10/2010	6.68	7.53	6.84	7.13	7.05	3.75	1.50	3.50	0.0	0.0	8.24	
97	220097	NGUYỄN THỊ MỸ HIỀN	Nữ	19/10/2010	5.15	6.04	6.01	6.46	5.92	3.50	1.75	2.00	0.0	0.0	6.85	
98	220098	NGUYỄN CÔNG HIẾU	Nam	04/02/2010	5.5	5.58	5.4	7.01	5.87	3.75	3.50	1.50	0.0	0.0	7.89	
99	220099	NGUYỄN ĐẶNG TRUNG HIẾU	Nam	27/05/2009	5.94	7.09	7.93	7.96	7.23	6.75	3.00	5.75	0.0	0.5	13.52	
100	220100	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	26/03/2010	8.08	7.58	8.6	9.13	8.35	5.00	6.25	6.75	0.0	0.0	15.11	
101	220101	VĂN XUÂN HIẾU	Nam	23/03/2010	5.48	5.88	5.88	7.59	6.21	4.50	1.50	3.00	0.0	0.0	8.16	
102	220102	LÊ PHƯỚC HOÀNG	Nam	25/12/2010	7.21	6.9	7.93	8.1	7.54	5.25	6.75	4.50	0.0	0.0	13.81	
103	220103	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	Nam	03/11/2010	9.1	9.16	9.01	9.13	9.1	7.75	7.75	8.75	0.0	0.0	19.71	
104	220104	NGUYỄN THỊ MỸ HÒA	Nữ	03/02/2010	8.78	8.15	7.94	8.18	8.26	6.50	6.50	5.50	0.0	0.0	15.43	
105	220105	BÙI LÊ GIA HUY	Nam	16/05/2010	8.85	8.38	8.23	9.44	8.73	6.50	7.50	8.00	0.0	0.0	18.02	
106	220106	CAO ĐẠT HUY	Nam	17/04/2010	8.81	8.56	8.76	9.05	8.8	4.25	3.25	6.75	0.0	0.0	12.62	
107	220107	DƯƠNG NHẬT HUY	Nam	22/03/2010	5.44	5.8	5.76	6.39	5.85	3.25	0.25	3.75	0.0	0.0	6.83	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
108	220108	ĐIỀN KHẮC HUY	Nam	19/10/2010	5.91	6.89	6.83	6.24	6.47	2.75	0.75	3.75	0.0	0.0	7.02	Liệt
109	220109	HÀ TRẦN QUỐC HUY	Nam	12/12/2010	5.48	6.4	6.33	6.83	6.26	3.25	2.50	1.75	0.0	0.0	7.13	
110	220110	NGUYỄN ĐẶNG NHẬT HUY	Nam	01/01/2010	5.99	5.49	5.71	5.86	5.76	1.75	0.50	4.00	0.0	0.0	6.10	Liệt
111	220111	NGUYỄN LÂM GIA HUY	Nam	02/02/2010	6.59	6.58	7.41	6.73	6.83	5.50	0.50	3.50	0.0	0.0	8.70	Liệt
112	220112	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	17/08/2010	5.41	5.68	6.34	6.94	6.09	3.00	3.50	1.75	0.0	0.0	7.60	
113	220113	TÔ KHÁNH HUY	Nam	08/09/2010	6.81	6.6	6.71	7.56	6.92	3.75	3.00	2.75	0.0	0.0	8.73	
114	220114	TRẦN NHẬT HUY	Nam	01/01/2010	8.1	8.13	8.56	8.01	8.2	5.75	2.50	5.25	0.0	0.0	11.91	
115	220115	TRẦN QUỐC HUY	Nam	02/01/2010	9.19	8.9	8.79	9.09	8.99	4.25	4.50	8.25	0.0	0.0	14.60	
116	220116	LÊ NHÃ HUỖNH	Nữ	28/04/2010	6.89	7.13	7.88	7.85	7.44	5.50	3.50	2.50	0.0	0.0	10.28	
117	220117	NGUYỄN HỒ NHƯ HUỖNH	Nữ	13/12/2010	7.81	7.46	7.28	8.39	7.74	4.50	2.75	6.00	0.0	0.0	11.60	
118	220118	PHẠM THỊ NHƯ HUỖNH	Nữ	09/12/2010	6.53	6.79	6.64	6.84	6.7	3.25	1.00	3.75	0.0	0.0	7.61	
119	220119	HUỖNH VŨ HÙNG	Nam	10/10/2010	8.28	7.1	8.18	9.26	8.21	4.75	5.50	4.75	0.0	0.0	12.96	
120	220120	NGUYỄN HOÀNG HÙNG	Nam	09/07/2010	7.09	6.81	7.29	7.71	7.23	3.50	2.50	1.75	0.0	0.0	7.59	
121	220121	TRẦN PHÚ HÙNG	Nam	01/01/2010	7.74	6.36	7.1	7.89	7.27	5.75	2.25	2.50	0.0	0.0	9.53	
122	220122	TRẦN PHÚC HÙNG	Nam	01/01/2010	7.59	6.98	7.43	7.78	7.45	5.00	4.25	2.75	0.0	0.0	10.64	
123	220123	ĐÌNH TRÂM HƯƠNG	Nữ	02/01/2010	8.43	8.45	8.66	8.51	8.51	5.25	5.75	4.25	0.0	0.0	13.23	
124	220124	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	Nữ	06/11/2010	7.28	6.34	6.28	6.48	6.6	3.75	2.75	1.75	0.0	0.0	7.76	
125	220125	NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG	Nữ	04/08/2010	6.61	6.63	7.75	7.88	7.22	6.25	3.50	3.00	0.0	0.0	11.09	
126	220126	CAO ÁNH KHA	Nữ	04/03/2010	7	6.49	6.96	7.26	6.93	6.50	3.25	4.25	0.0	0.0	11.88	
127	220127	NGUYỄN ANH KHA	Nam	18/03/2010	7.03	6.89	6.43	7	6.84	4.00	1.50	3.50	0.0	0.0	8.35	
128	220128	BÙI THỂ KHANG	Nam	19/04/2010	5.01	5.74	5.51	6.04	5.58	3.50	1.25	5.75	0.0	0.0	9.02	
129	220129	DANH NGUYỄN MINH KHANG	Nam	13/12/2010	5.81	4.86	5.39	6.58	5.66	4.00	0.25	4.25	0.0	0.0	7.65	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
130	220130	HUỲNH TUẤN KHANG	Nam	22/04/2009	5.33	5.35	5.55	6.74	5.74	2.50	0.00	2.25	0.0	0.0	5.05	Liệt
131	220131	LÊ PHÚC KHANG	Nam	12/02/2010	6.1	5.74	5.79	7.08	6.18	3.50	3.25	4.75	0.0	0.0	9.90	
132	220132	LÝ TẤN KHANG	Nam	11/10/2010	5.64	6.13	6.04	7.35	6.29	4.50	3.75	5.25	0.0	0.0	11.34	
133	220133	NGUYỄN AN KHANG	Nam	04/06/2010	7.55	7.68	7.81	7.85	7.72	5.25	4.75	5.75	0.0	0.0	13.34	
134	220134	NGUYỄN NGUYỄN KHANG	Nam	30/08/2010	5.68	5.46	5.84	6.98	5.99	3.50	1.00	5.25	0.0	0.0	8.62	
135	220135	NGUYỄN NHẬT KHANG	Nam	11/10/2010	8.55	8.2	7.6	8.48	8.21	3.75	1.75	6.50	0.0	0.0	10.86	
136	220136	NGUYỄN TRỌNG KHANG	Nam	05/10/2010	8.56	7.98	7.48	7.9	7.98	5.25	4.25	6.25	0.0	0.0	13.42	
137	220137	NGUYỄN VĂN KHANG	Nam	05/04/2010	7.26	6.76	8	8.26	7.57	6.25	5.50	6.00	0.0	0.0	14.70	
138	220138	PHAN NHẬT GIA KHANG	Nam	07/06/2009	7.25	7.15	6.28	7.38	7.02	3.75	3.25	3.50	0.0	0.0	9.46	
139	220139	PHAN TẤN KHANG	Nam	19/07/2010	6.81	6.75	7.25	7.15	6.99	2.75	1.00	3.25	0.0	0.0	7.00	
140	220140	PHẠM CHỈ KHANG	Nam	09/02/2010	5.81	6.15	5.96	6.65	6.14	2.50	0.50	2.50	0.0	0.0	5.69	Liệt
141	220141	TRẦN NHẬT KHANG	Nam	31/05/2010	6.51	6.35	6.65	6.38	6.47	6.00	1.50	2.75	0.0	0.0	9.12	
142	220142	VÕ PHÚC KHANG	Nam	09/03/2010	6.03	6.26	6.43	6.44	6.29	3.50	4.50	1.75	0.0	0.0	8.71	
143	220143	LÊ DUY KHÁNH	Nam	17/01/2010	7.81	7.36	8.4	8.86	8.11	5.25	5.25	7.50	0.0	0.0	15.03	
144	220144	HUỲNH ĐĂNG KHOA	Nam	17/01/2010	6.5	7.63	7.66	8.78	7.64	5.25	7.00	5.00	0.0	0.0	14.37	
145	220145	NGUYỄN HUỲNH ANH KHOA	Nam	27/07/2010	7.71	8.4	7.71	8.03	7.96	6.50	5.25	5.25	0.0	0.0	14.29	
146	220146	PHÙNG ĐĂNG KHOA	Nam	06/01/2010	5.35	5.49	5.91	5.58	5.58	3.75	0.50	4.25	0.0	0.0	7.62	Liệt
147	220147	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	19/11/2010	8.05	8.4	8.21	8.44	8.28	3.50	6.25	5.50	0.0	0.0	13.16	
148	220148	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	21/10/2009	6.7	6.5	6.63	6.08	6.48	2.00	1.00	3.25	0.0	0.0	6.32	
149	220149	TRẦN MINH KHOA	Nam	19/05/2010	9.41	9.33	9.16	8.79	9.17	6.50	5.50	5.25	0.0	0.0	14.83	
150	220150	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	04/06/2010	7.93	8.98	8.63	9.03	8.64	4.75	5.50	8.25	0.0	0.0	15.54	
151	220151	VÕ ANH KHOA	Nam	09/03/2010	9.11	9.2	9.1	9.39	9.2	5.75	5.75	8.25	0.0	0.0	16.59	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
152	220152	LÊ HOÀNG DUY KHÔI	Nam	18/08/2010	6.44	7.01	6.16	7.8	6.85	2.50	3.50	3.25	0.0	0.0	8.53	
153	220153	ĐỖ TRỌNG KHƯƠNG	Nam	20/07/2010	8.19	8.15	8.21	8.44	8.25	3.00	2.75	5.00	0.0	0.0	10.00	
154	220154	LÊ ANH TUẤN KIỆT	Nam	27/06/2010	4.78	6.35	6.58	6.59	6.08	4.75	2.75	1.75	0.0	0.0	8.30	
155	220155	MAI QUỐC KIỆT	Nam	04/12/2010	6.74	6.66	7.45	7.9	7.19	3.75	3.50	3.75	0.0	0.0	9.86	
156	220156	TẠ GIA KIỆT	Nam	23/05/2009	5.24	5.63	5.94	6.21	5.76	3.25	3.75	3.50	0.0	0.0	9.08	
157	220157	TRẦN NHÂN KIỆT	Nam	19/08/2010	6.8	6.9	7.58	7.5	7.2	4.00	3.75	4.75	0.0	0.0	10.91	
158	220158	VÕ TRẦN BẠCH KIM	Nữ	15/09/2010	9.28	9.21	9	9.09	9.15	5.75	6.75	6.50	0.0	0.0	16.05	
159	220159	LÝ NHÃ KỶ	Nữ	02/08/2010	5.26	5.68	5.68	6.14	5.69	4.25	4.75	2.75	0.0	0.0	9.93	
160	220160	MAI QUỐC KỶ	Nam	16/12/2010	7.36	7.09	7.49	6.91	7.21	3.25	3.25	5.00	0.0	0.0	10.21	
161	220161	NGUYỄN LÝ NHÃ KỶ	Nữ	06/08/2010	7.91	7.84	7.25	8.61	7.9	5.25	3.00	4.50	0.0	0.0	11.30	
162	220162	NGUYỄN NHỰT LAM	Nữ	08/09/2010	8.29	8.45	8.5	7.6	8.21	3.50	3.25	4.75	0.0	0.0	10.51	
163	220163	NGUYỄN THANH LAM	Nữ	15/11/2010	5.8	5.38	6.7	7.4	6.32	4.00	0.00	2.75	0.0	0.0	6.62	Liệt
164	220164	PHAN TRÚC LAM	Nữ	03/07/2010	8.45	7.95	8.63	8.89	8.48	4.00	3.50	4.25	0.0	0.0	10.77	
165	220165	PHẠM THỊ PHƯƠNG LAM	Nữ	13/12/2010	8.11	7.44	7.01	7.38	7.49	5.50	4.50	4.00	0.0	0.0	12.05	
166	220166	PHẠM THỊ LÀI	Nữ	18/01/2010	5.7	6.86	6.68	7.54	6.7	1.75	2.00	3.00	0.0	0.0	6.74	
167	220167	TRẦN GIA LẠC	Nam	16/07/2010	5.35	5.66	5.35	6.79	5.79	3.00	0.00	3.75	0.0	0.0	6.46	Liệt
168	220168	NGUYỄN GIA LÂM	Nam	29/12/2010	6.73	6.03	5.79	5.61	6.04	3.25	2.50	5.50	0.0	0.0	9.69	
169	220169	TRẦN THỊ THÙY LÂM	Nữ	01/09/2010	7.86	7.34	8.04	8.05	7.82	5.00	3.00	4.75	0.0	0.0	11.27	
170	220170	NGUYỄN HOÀNG LÊ	Nam	30/09/2010	6.03	6.64	7.41	7.43	6.88	4.00	3.25	4.25	0.0	0.0	10.11	
171	220171	LÊ NHẬT LINH	Nam	20/10/2010	7.46	7.34	6.63	7.95	7.35	4.00	3.00	3.75	0.0	0.0	9.73	
172	220172	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	Nữ	14/03/2010	6.16	6.08	6.33	6.34	6.23	1.75	2.25	6.75	0.0	0.0	9.39	
173	220173	PHẠM THỊ LINH	Nữ	11/09/2010	7.44	7.4	7.75	8.24	7.71	5.00	5.75	3.50	0.0	0.0	12.29	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
174	220174	TRƯƠNG THỊ TRÚC LINH	Nữ	29/01/2010	7.91	8.3	8.69	9.19	8.52	6.00	3.50	7.00	0.0	0.0	14.11	
175	220175	HÀ NHẬT LONG	Nam	17/10/2010	7.3	6.15	6.26	6.25	6.49	4.75	2.50	2.50	0.0	0.0	8.77	
176	220176	LÊ HOÀNG LONG	Nam	25/12/2010	8.91	8.5	8.48	8.25	8.54	4.50	4.25	5.50	0.0	0.0	12.54	
177	220177	NGUYỄN LÊ HOÀNG LONG	Nam	31/08/2010	6.18	7.86	8.08	8.38	7.63	6.25	3.00	5.50	0.0	0.0	12.61	
178	220178	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	Nam	18/03/2010	8.58	8.56	9.05	9.2	8.85	6.25	5.50	7.75	0.0	0.0	16.31	
179	220179	DƯƠNG TẤN LỘC	Nam	15/06/2010	8.25	7.41	6.78	7.69	7.53	4.25	2.50	3.25	0.0	0.0	9.26	
180	220180	PHẠM TẤN LỘC	Nam	17/11/2010	7.9	8.66	8.64	8.45	8.41	6.25	6.25	7.50	0.0	0.0	16.52	
181	220181	TRẦN BẢO LỘC	Nam	24/05/2010	7.68	7.18	6.96	7.96	7.45	4.25	4.75	4.50	0.0	0.0	11.69	
182	220182	TRẦN VĂN LỘC	Nam	09/06/2010	5.74	6.39	6.65	6.98	6.44	2.25	2.00	4.00	0.0	0.0	7.71	
183	220183	PHẠM THỊ LUÔN	Nữ	14/04/2010	6.83	7.69	7.74	7.78	7.51	4.50	3.75	3.75	0.0	0.0	10.65	
184	220184	HUỲNH MAI	Nữ	20/10/2010	7.35	8.29	7.75	8.18	7.89	5.00	4.00	6.50	0.0	0.0	13.22	
185	220185	LÊ THỊ XUÂN MAI	Nữ	19/11/2009	5.78	5.34	5.69	6	5.7	1.75	1.50	3.00	0.0	0.0	6.09	
186	220186	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	08/09/2010	6.21	6.8	6.7	6.95	6.67	2.25	2.50	2.25	0.0	0.0	6.90	
187	220187	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	15/04/2010	6.79	6.49	6.4	6.94	6.66	6.25	2.50	3.75	0.0	0.0	10.75	
188	220188	TRẦN XUÂN MAI	Nữ	11/04/2010	8.89	8.29	8.24	8.43	8.46	6.75	6.00	3.50	0.0	0.0	13.91	
189	220189	NGUYỄN HOÀNG MẠNH	Nam	06/04/2010	5.84	6.43	6.85	6.34	6.37	3.75	3.75	2.75	0.0	0.0	9.09	
190	220190	NGUYỄN TRẦN DUY MẠNH	Nam	28/04/2010	8.03	7.94	8.16	7.8	7.98	5.25	5.00	3.75	0.0	0.0	12.19	
191	220191	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	23/11/2010	6.59	7.06	6.5	7.5	6.91	4.75	2.50	4.75	0.0	0.0	10.47	
192	220192	TRANG HUỆ MẪN	Nữ	06/05/2009	9.55	9.51	9.36	9.5	9.48	6.50	6.50	8.50	0.0	1.0	18.89	
193	220193	TRỊNH HÀ MI	Nữ	16/08/2009	6.19	5.56	5.68	5.91	5.84	3.50	0.00	2.50	0.0	0.0	5.95	Liệt
194	220194	NGUYỄN LÊ HỒNG MINH	Nữ	04/07/2010	8.41	8.09	7.81	8.86	8.29	5.75	3.00	5.75	0.0	0.0	12.64	
195	220195	NGUYỄN PHẠM HIỀN MINH	Nữ	10/03/2010	6.39	6.56	5.45	5.39	5.95	2.75	0.00	5.00	0.0	0.0	7.21	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U'T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
196	220196	ĐẶNG THỊ TRÀ MY	Nữ	04/04/2010	5.18	5.99	5.9	6.54	5.9	5.00	0.00	2.25	0.0	0.0	6.85	Liệt
197	220197	HỒ THỊ DIỄM MY	Nữ	26/07/2010	7.35	7.61	8.09	8.23	7.82	4.75	3.00	3.00	0.0	0.0	9.87	
198	220198	NGUYỄN HẢI MY	Nữ	18/08/2009	6.2	5.68	5.91	7.33	6.28	5.50	0.75	3.25	0.0	0.0	8.53	Liệt
199	220199	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	Nữ	07/05/2010	7.7	8.18	8.63	8.46	8.24	5.00	3.75	5.25	0.0	0.0	12.27	
200	220200	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	Nữ	03/02/2010	8.9	8.6	8.73	8.58	8.7	6.25	4.25	4.00	0.0	0.0	12.76	
201	220201	PHẠM LÊ DIỄM MY	Nữ	29/10/2010	7.83	7.38	7.84	7.79	7.71	5.25	5.50	2.25	0.0	0.0	11.41	
202	220202	TRẦN HÀ MY	Nữ	26/07/2010	6.95	7.53	7.9	8.01	7.6	6.00	2.50	4.00	0.0	0.0	11.03	
203	220203	TRẦN THỊ HÀ MY	Nữ	22/12/2010	8.48	8.34	8.58	8.48	8.47	6.75	3.75	3.00	0.0	0.0	11.99	
204	220204	HUỲNH LÝ HẠO NAM	Nam	19/08/2010	6.25	6.61	7.04	7.34	6.81	3.25	2.25	7.50	0.0	0.0	11.14	
205	220205	NGUYỄN BẢO NAM	Nam	01/01/2009	6.7	6.38	6.34	7.36	6.7	4.50	1.50	2.75	0.0	0.0	8.14	
206	220206	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	20/03/2010	8.48	8.86	8.9	9.01	8.81	6.00	6.25	8.75	0.0	0.0	17.34	
207	220207	LÊ NGỌC NĂM	Nữ	10/10/2010	8.14	7.85	7.74	7.94	7.92	5.00	6.25	5.50	0.0	0.0	14.10	
208	220208	ĐÀO THỊ HỒNG NGÂN	Nữ	24/08/2010	7.38	7.74	7.1	7.71	7.48	5.75	2.50	4.25	0.0	0.0	10.99	
209	220209	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	25/10/2010	5.89	7.26	8.26	8.29	7.43	5.75	2.25	3.50	0.0	0.0	10.28	
210	220210	LÊ THỊ THANH NGÂN	Nữ	02/05/2010	8.61	9.03	8.71	8.08	8.61	5.50	4.00	4.50	0.0	0.0	12.38	
211	220211	LÊ THỊ THU NGÂN	Nữ	28/03/2010	8.64	8.31	8.78	8.99	8.68	4.25	5.25	5.75	0.0	0.0	13.28	
212	220212	NGÔ HOÀNG THANH NGÂN	Nữ	11/07/2010	9.54	9.43	9.16	9.43	9.39	7.50	6.00	6.00	0.0	0.0	16.47	
213	220213	NGÔ THỊ BÍCH NGÂN	Nữ	28/08/2010	6.74	6.39	5.5	5.66	6.07	4.25	0.50	4.00	0.0	0.0	7.95	Liệt
214	220214	NGÔ THỊ THU NGÂN	Nữ	05/07/2010	8	7.38	7.11	6.96	7.36	4.25	3.50	3.25	0.0	0.0	9.91	
215	220215	NGUYỄN LƯƠNG KIM NGÂN	Nữ	28/01/2010	8.26	7.76	7.24	8.2	7.87	4.00	3.25	5.75	0.0	0.0	11.46	
216	220216	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	Nữ	14/02/2010	8.14	7.88	7.89	7.95	7.97	5.50	3.75	4.00	0.0	0.0	11.67	
217	220217	PHAN NGỌC NGÂN	Nữ	20/04/2010	8.94	8.66	8.94	7.98	8.63	5.00	2.25	7.25	0.0	0.0	12.74	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
218	220218	TRẦN THỊ TRÚC NGÂN	Nữ	02/03/2010	8.91	8.99	9.06	8.78	8.94	7.00	4.25	5.25	0.0	0.0	14.23	
219	220219	BÙI VĨNH NGHI	Nữ	19/07/2010	7.48	6.73	7.46	7.69	7.34	6.00	4.75	4.25	0.0	0.0	12.70	
220	220220	NGÔ HẢI NGHI	Nữ	18/01/2010	8.24	8.34	8.23	6.76	7.89	4.75	2.50	4.75	0.0	0.0	10.77	
221	220221	NGUYỄN ĐOÀN XUÂN NGHI	Nữ	10/02/2010	7.38	7.5	7.35	7.39	7.41	6.25	5.00	3.50	0.0	0.0	12.55	
222	220222	NGUYỄN GIA NGHI	Nữ	07/08/2010	9.09	9.29	9.43	9.21	9.26	6.50	7.00	5.25	0.0	0.0	15.90	
223	220223	ĐẶNG TRỌNG NGHĨA	Nam	12/03/2010	6.49	6.03	6.15	6.44	6.28	3.75	2.50	1.75	0.0	0.0	7.48	
224	220224	ĐẶNG TUẤN NGHĨA	Nam	26/06/2010	8.15	7.06	6.96	7.5	7.42	5.25	7.25	6.00	0.0	0.0	15.18	
225	220225	GIANG HỮU NGHĨA	Nam	24/04/2010	7.55	7.76	7.59	7.39	7.57	4.75	3.00	7.25	0.0	0.0	12.77	
226	220226	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	23/09/2010	5.63	5.78	5.79	6.13	5.83	3.25	0.00	2.75	0.0	0.0	5.95	Liệt
227	220227	LÊ HỒNG NGỌC	Nữ	05/03/2010	8.75	8.69	8.64	8.73	8.7	7.75	7.00	4.50	0.0	0.0	16.09	
228	220228	LÊ TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	30/03/2010	8.6	8.33	7.35	7.73	8	4.50	4.50	2.75	0.0	0.0	10.63	
229	220229	LÊ TUYẾT NGỌC	Nữ	15/04/2010	5.95	6.24	6.95	7.09	6.56	5.50	4.75	3.00	0.0	0.0	11.24	
230	220230	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	07/07/2010	6.89	6.35	5.33	5.88	6.11	4.25	0.00	5.00	0.0	0.0	8.31	Liệt
231	220231	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	26/06/2010	6.29	6.84	6.35	6.75	6.56	2.00	3.50	2.25	0.0	0.0	7.39	
232	220232	NGUYỄN NHƯ NGỌC	Nữ	17/08/2010	5.89	7.51	7.76	7.61	7.19	4.50	4.25	4.50	0.0	0.0	11.43	
233	220233	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	17/08/2010	9.09	8.96	8.84	8.44	8.83	5.75	4.50	2.50	0.0	0.0	11.57	
234	220234	TRẦN LÂM BẢO NGỌC	Nữ	10/02/2010	7.01	6.5	6.5	6.69	6.68	3.75	3.50	3.25	0.0	0.0	9.35	
235	220235	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	28/01/2010	8.36	8.45	8.55	8.03	8.35	4.25	4.25	3.75	0.0	0.0	11.08	
236	220236	VŨ PHẠM MINH NGỌC	Nữ	25/10/2010	7.61	8.6	8.69	8.8	8.43	4.00	5.50	6.75	0.0	0.0	13.90	
237	220237	CAO THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	24/03/2010	6.08	6.36	6.94	7.03	6.6	5.25	3.75	3.75	0.0	0.0	10.91	
238	220238	LÊ BÌNH NGUYỄN	Nam	17/06/2010	7.86	6.26	5.79	8.08	7	5.00	3.75	3.75	0.0	0.0	10.85	
239	220239	LƯU CHÍ NGUYỄN	Nam	04/10/2010	6.95	7.08	6.44	7.09	6.89	5.50	3.00	6.00	0.0	0.0	12.22	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
240	220240	NGUYỄN THANH NGUYỄN	Nữ	29/06/2010	7.41	7.29	7.58	7.46	7.44	5.75	5.25	4.75	0.0	0.0	13.26	
241	220241	NGUYỄN THỊ KIM NGUYỄN	Nữ	18/05/2010	6.7	7.68	7.18	7.18	7.19	5.00	4.25	2.00	0.0	0.0	10.03	
242	220242	PHAN CAO KHÁNH NGUYỄN	Nữ	20/10/2010	7.74	7.81	8	8.76	8.08	6.00	6.75	4.00	0.0	0.0	14.15	
243	220243	PHAN KHÁNH NGUYỄN	Nữ	01/07/2010	8.33	6.38	8.74	8.29	7.94	5.50	2.50	5.00	0.0	0.0	11.48	
244	220244	PHAN THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	10/08/2010	8.88	9.01	8.36	8.99	8.81	5.25	6.75	7.25	0.0	0.0	16.12	
245	220245	PHẠM THÀNH NGUYỄN	Nam	30/06/2010	5.46	6.9	8.09	7.48	6.98	3.25	3.00	2.50	0.0	0.0	8.22	
246	220246	TRẦN THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	03/03/2010	6.99	6.99	8.23	7.84	7.51	3.25	2.50	3.00	0.0	0.0	8.38	
247	220247	NGÔ CHÍ NGUYỄN	Nam	30/11/2010	9.29	9.23	9.24	9.38	9.29	7.00	7.00	8.50	0.0	0.0	18.54	
248	220248	TRẦN NGUYỄN NGUYỄN	Nam	22/12/2010	5.28	5.39	5.99	6.89	5.89	5.25	2.50	6.00	0.0	0.0	11.39	
249	220249	PHẠM THÀNH NHAM	Nam	26/12/2010	7.44	7.6	8.05	7.68	7.69	5.75	3.50	4.00	0.0	0.0	11.58	
250	220250	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Nữ	02/12/2010	7.35	7.63	8.05	7.76	7.7	4.25	2.50	4.00	0.0	0.0	9.84	
251	220251	NGUYỄN THANH NHÂN	Nam	23/05/2010	9.21	8.56	8.35	8.66	8.7	7.00	5.75	4.25	0.0	0.0	14.51	
252	220252	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	24/10/2010	6.64	6.53	6.4	6.34	6.48	2.25	2.75	4.75	0.0	0.0	8.77	
253	220253	NGUYỄN THỊ Ý NHI	Nữ	25/07/2010	6.16	5.59	5.9	6.28	5.98	2.75	1.50	2.25	0.0	0.0	6.34	
254	220254	PHẠM THỊ YẾN NHI	Nữ	30/05/2010	7.65	7.08	6.95	7.86	7.39	5.25	6.00	2.75	0.0	0.0	12.02	
255	220255	PHAN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	07/06/2010	6.96	7.46	7.98	8.94	7.84	4.75	3.00	5.50	0.0	0.0	11.63	
256	220256	CHÂU NGỌC NHƯ	Nữ	07/01/2010	5.28	5.63	6.6	6.15	5.92	4.25	1.25	1.75	0.0	0.0	6.85	
257	220257	ĐẶNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	10/02/2010	9.03	9.41	9.31	9.43	9.3	6.25	4.50	7.25	0.0	0.0	15.39	
258	220258	LÊ HUỲNH NHƯ	Nữ	26/09/2010	6.86	6.88	7.38	6.68	6.95	5.25	2.75	2.75	0.0	0.0	9.61	
259	220259	LÊ THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	23/07/2010	8.74	8.53	8.59	8.28	8.54	5.00	4.00	3.00	0.0	0.0	10.96	
260	220260	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	09/09/2010	8.18	7.93	8.03	8.18	8.08	4.50	4.75	4.00	0.0	0.0	11.70	
261	220261	NGUYỄN THỊ TRÚC NHƯ	Nữ	09/10/2010	8.71	8.16	8.34	8.53	8.44	7.50	5.50	5.50	0.0	0.0	15.48	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
262	220262	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	04/02/2010	8.01	7.99	7.33	8.03	7.84	5.50	3.50	3.75	0.0	0.0	11.28	
263	220263	VŨ NGỌC NHƯ	Nữ	12/04/2010	8.8	9.31	9.26	8.95	9.08	5.50	7.00	8.00	0.0	0.0	17.07	
264	220264	ĐỖ THỊ KIM NƯƠNG	Nữ	14/04/2010	9.23	8.85	9.1	9.31	9.12	5.00	3.50	7.75	0.0	0.0	14.11	
265	220265	LÊ ANH PHÁT	Nam	03/06/2010	6.7	7.13	6.95	7.01	6.95	4.00	4.50	4.00	0.0	0.0	10.84	
266	220266	NGUYỄN HOÀNG PHÁT	Nam	28/06/2010	6.25	6.04	6.11	6.21	6.15	4.00	2.50	2.75	0.0	0.0	8.32	
267	220267	NGUYỄN TRƯỜNG PHÁT	Nam	04/05/2010	6.88	6.45	6.28	6.18	6.45	3.75	4.50	2.50	0.0	0.0	9.46	
268	220268	PHẠM LÊ TÂN PHÁT	Nam	10/10/2010	7.08	7.29	6.96	7.96	7.32	4.50	5.50	6.75	0.0	0.0	13.92	
269	220269	TRÀ TÂN PHÁT	Nam	11/04/2010	7.24	7.25	6.39	7.06	6.99	2.25	1.00	4.75	0.0	0.0	7.70	
270	220270	TRẦN THIỆN PHÁT	Nam	02/11/2010	9.59	9.51	9.55	9.09	9.44	8.00	6.00	8.25	0.0	0.5	18.91	
271	220271	TÔ KIM PHẦN	Nữ	20/10/2010	6.75	6.93	6.15	7.9	6.93	5.50	3.00	3.75	0.0	0.0	10.65	
272	220272	TRẦN NGUYỄN KIM PHẦN	Nữ	25/05/2010	8	7.58	7.64	7.84	7.77	5.08	4.50	3.50	0.0	0.0	11.49	
273	220273	HỒ CAO PHI	Nam	15/08/2010	7.38	8.29	8.65	8.06	8.1	5.25	4.25	3.50	0.0	0.0	11.53	
274	220274	LƯƠNG HOÀNG PHI	Nam	18/12/2010	6.75	7.36	7.15	8.46	7.43	4.75	2.75	3.00	0.0	0.0	9.58	
275	220275	LÂM VÕ HOÀI PHONG	Nam	03/05/2010	7.21	7.98	8.5	8.6	8.07	5.25	3.75	6.50	0.0	0.0	13.27	
276	220276	NGUYỄN HẢI PHONG	Nam	26/12/2010	6.33	6.21	6.16	6.65	6.34	4.00	2.00	3.00	0.0	0.0	8.20	
277	220277	PHẠM THANH PHONG	Nam	27/07/2010	8.44	8.49	8.4	9.03	8.59	6.00	7.00	6.75	0.0	0.0	16.40	
278	220278	TRẦN THANH PHONG	Nam	05/12/2010	5.56	5.6	5.18	5.34	5.42	1.50	1.50	3.00	0.0	0.0	5.83	
279	220279	TRẦN TRUNG PHONG	Nam	11/12/2010	7.78	8.68	8.59	8.56	8.4	7.00	5.75	6.50	0.0	0.0	16.00	
280	220280	LÊ GIA PHÚ	Nam	23/10/2010	6.43	7.61	8.34	8.68	7.77	6.50	5.00	5.25	0.0	0.0	14.06	
281	220281	TRẦN GIA PHÚ	Nam	19/05/2010	7.36	7.21	7.45	7.31	7.33	5.00	5.00	5.25	0.0	0.0	12.87	
282	220282	ĐINH HOÀNG PHÚC	Nam	02/04/2010	7.4	7.45	8	8.26	7.78	2.50	2.50	4.50	0.0	0.0	8.98	
283	220283	LÊ TRỌNG PHÚC	Nam	27/12/2010	7.33	7.58	7.44	7.33	7.42	3.00	1.75	4.50	0.0	0.0	8.70	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
284	220284	NGUYỄN TRẦN GIA PHÚC	Nữ	23/03/2010	8.35	8.35	7.79	8.39	8.22	5.50	2.50	6.75	0.0	0.0	12.79	
285	220285	PHẠM NGUYỄN GIA PHÚC	Nam	04/12/2010	8.65	8.81	8.23	8.53	8.56	6.25	3.50	4.00	0.0	0.0	12.19	
286	220286	VÕ NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	16/12/2010	8.23	8.76	8.54	8.58	8.53	4.75	5.50	5.50	0.0	0.0	13.58	
287	220287	BÙI NGỌC HÀ PHƯƠNG	Nữ	29/08/2010	7.24	6.5	6.65	7.79	7.05	4.25	2.75	5.50	0.0	0.0	10.87	
288	220288	LÊ KIM PHƯƠNG	Nữ	12/01/2010	6.68	6.98	6.39	6.2	6.56	4.00	2.75	3.75	0.0	0.0	9.32	
289	220289	NGUYỄN NGỌC NAM PHƯƠNG	Nữ	24/07/2010	7.61	7.65	7.09	7.65	7.5	4.50	3.75	3.00	0.0	0.0	10.13	
290	220290	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	Nam	16/06/2010	6.98	8.03	7.39	8.8	7.8	5.50	6.25	3.75	0.0	0.0	13.19	
291	220291	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	29/04/2010	9.44	9.41	9.66	9.28	9.45	6.58	6.50	7.75	0.0	0.5	17.92	
292	220292	HUỶNH HỮU NHẬT QUANG	Nam	17/04/2010	8.54	8.74	7.53	8.43	8.31	6.75	3.75	4.25	0.0	0.0	12.82	
293	220293	NGUYỄN THANH QUANG	Nam	03/08/2010	8.65	8.39	8.79	8.76	8.65	5.00	4.75	6.00	0.0	0.0	13.62	
294	220294	THÁI MINH QUANG	Nam	17/07/2010	5.14	5.99	6.28	6.83	6.06	4.50	5.00	4.25	0.0	0.0	11.44	
295	220295	LÊ TRẦN MINH QUÂN	Nam	06/05/2010	7.6	7.85	7.29	8.16	7.73	4.75	3.75	4.75	0.0	0.0	11.59	
296	220296	PHẠM HOÀNG QUÂN	Nam	08/09/2010	9.36	9.45	9.39	9.69	9.47	6.50	7.50	7.25	0.0	0.0	17.72	
297	220297	TRẦN QUỐC QUI	Nam	09/08/2010	7.03	6.86	7.08	7.34	7.08	6.00	5.75	7.00	0.0	0.0	15.25	
298	220298	NGUYỄN NHẬT QUÍ	Nam	31/07/2010	6.88	7.45	7.28	8.55	7.54	5.00	5.25	7.00	0.0	0.0	14.34	
299	220299	NGUYỄN HUỶNH NHÃ QUYÊN	Nữ	27/11/2010	7.21	7.49	7.44	8.2	7.59	6.00	5.25	6.75	0.0	0.0	14.88	
300	220300	TÔN PHÚC THẢO QUYÊN	Nữ	16/02/2010	5.51	5.79	6.78	7.23	6.33	6.00	4.00	3.25	1.0	0.0	12.17	
301	220301	NGUYỄN THỊ THANH QUYÊN	Nữ	27/08/2010	5.74	6.59	6.03	6.26	6.16	3.50	1.00	2.50	0.0	0.0	6.75	
302	220302	NGÔ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	13/08/2010	8.29	7.78	8.4	8.24	8.18	4.75	3.50	3.25	0.0	0.0	10.50	
303	220303	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	18/10/2010	7.33	6.56	6.54	6.4	6.71	5.00	5.25	3.50	0.0	0.0	11.64	
304	220304	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	01/04/2010	7.26	7.99	6.78	7.35	7.35	4.00	2.50	2.75	0.0	0.0	8.68	
305	220305	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	24/03/2010	7.2	7.53	7.53	7.2	7.37	4.50	2.00	2.75	0.0	0.0	8.69	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
306	220306	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	Nữ	02/04/2010	7.64	6.99	7.05	6.86	7.14	3.50	2.25	3.75	0.0	0.0	8.79	
307	220307	PHAN MỘNG QUỲNH	Nữ	15/10/2010	5.66	5.39	5.86	6.21	5.78	4.75	5.00	3.00	0.0	0.0	10.66	
308	220308	PHAN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	16/09/2010	7.5	8.31	8.56	8.29	8.17	5.00	4.00	4.00	0.0	0.0	11.55	
309	220309	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	10/10/2010	6.71	7.41	7.14	7.19	7.11	4.92	4.25	3.75	0.0	0.0	11.18	
310	220310	HÀ GIA QUÝ	Nam	15/10/2007	6	5.93	6.23	6.35	6.13	4.75	1.75	3.25	0.0	0.0	8.66	
311	220311	VÕ TRẦN PHÚ QUÝ	Nam	13/04/2009	6.7	7.1	6.1	7.53	6.86	3.50	2.75	3.00	0.0	0.0	8.53	
312	220312	LÊ PHÚC RẠNG	Nam	22/11/2010	4.68	5.48	5.51	6.3	5.49	2.75	0.00	2.75	0.0	0.0	5.50	Liệt
313	220313	NGUYỄN THANH SANG	Nam	22/12/2009	6.75	6.45	7.41	7.25	6.97	5.25	4.00	2.25	0.0	0.0	10.14	
314	220314	NGUYỄN HẠNH SEN	Nữ	01/06/2010	7.44	6.53	7.18	7.38	7.13	4.75	4.75	2.50	0.0	0.0	10.54	
315	220315	NGUYỄN THÁI SƠN	Nam	20/03/2010	6.29	6.46	5.75	6.7	6.3	5.00	2.25	2.00	0.0	0.0	8.37	
316	220316	NGUYỄN TÂN TÀI	Nam	08/03/2008	6.4	5.9	5	6.69	6	2.00	0.00	3.75	0.0	0.0	5.83	Liệt
317	220317	VÕ THÀNH TÀI	Nam	10/06/2010	6.24	6.03	6.76	7.05	6.52	5.00	2.25	4.25	0.0	0.0	10.01	
318	220318	LÂM THỊ YẾN TÂM	Nữ	27/06/2010	7.95	9.04	9.04	8.83	8.72	7.50	4.50	5.75	0.0	0.0	15.04	
319	220319	NGUYỄN TRÌNH VĨNH TÂM	Nam	25/10/2010	7.41	8.24	8.9	8.49	8.26	6.50	6.25	4.75	0.0	0.0	14.73	
320	220320	ĐẶNG NHẬT TÂN	Nam	30/04/2010	7.54	8.3	7.75	8.69	8.07	6.00	5.75	4.75	0.0	0.0	13.97	
321	220321	TIÊU ANH TÂN	Nam	12/07/2010	6.64	6.88	8.23	8.43	7.55	6.50	6.00	8.25	0.0	0.0	16.79	
322	220322	DƯƠNG THỊ KIM THANH	Nữ	28/11/2010	8.75	8.94	9.19	9.14	9.01	5.75	5.25	5.00	0.0	0.0	13.90	
323	220323	ĐOÀN MAI THANH	Nữ	02/09/2010	6.89	8.09	7.48	8.44	7.73	5.25	1.50	7.00	0.0	0.0	11.94	
324	220324	TRÀ THIÊN THANH	Nữ	14/10/2010	7.19	6.29	6.05	7.3	6.71	4.00	3.00	3.75	0.0	0.0	9.54	
325	220325	LÊ HOÀNG THÁI	Nam	09/02/2010	5.59	5.94	6.59	7.38	6.38	5.00	3.25	4.25	0.0	0.0	10.66	
326	220326	PHẠM HOÀNG THÁI	Nam	02/05/2010	5.89	5.91	5.99	7.29	6.27	3.50	1.00	1.50	0.0	0.0	6.08	
327	220327	ĐẶNG NGỌC THANH THẢO	Nữ	29/06/2010	7.79	8.23	8.24	8.4	8.17	3.00	4.25	3.00	0.0	0.0	9.63	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
328	220328	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	29/03/2010	8.43	7.96	8.71	8.71	8.45	6.00	4.25	5.50	0.0	0.0	13.56	
329	220329	TRẦN MINH THẮNG	Nam	12/02/2010	4.76	6.76	6.86	6.39	6.19	4.25	1.50	3.75	0.0	0.0	8.51	
330	220330	NGUYỄN THỊ MAI THI	Nữ	04/04/2010	6.65	7.04	7.51	8.09	7.32	6.25	4.50	2.75	0.0	0.0	11.65	
331	220331	ĐOÀN MINH THIỆN	Nam	26/09/2010	8.03	7.44	7.29	7.06	7.46	2.75	3.50	4.50	0.0	0.0	9.76	
332	220332	LÊ NGUYỄN THIỆN	Nam	20/10/2010	6.1	7.09	7.54	6.93	6.92	5.75	3.00	1.75	0.0	0.0	9.43	
333	220333	PHAN CHÍ THIỆN	Nam	13/01/2010	5.43	5.08	4.9	6.71	5.53	2.75	2.00	2.75	0.0	0.0	6.91	
334	220334	HỒ GIA THỊNH	Nam	18/05/2010	6.09	5.44	5.36	6.11	5.75	0.50	1.50	2.75	0.0	0.0	5.05	Liệt
335	220335	LÊ TRƯỜNG THỊNH	Nam	10/10/2010	5.93	5.15	5.93	6.06	5.77	3.75	1.00	4.00	0.0	0.0	7.86	
336	220336	NGÔ QUỐC THỊNH	Nam	11/05/2009	6.03	5.51	5.53	5.6	5.67	3.25	2.75	7.25	0.0	0.0	10.98	
337	220337	TRÀ TRƯỜNG THỊNH	Nam	08/02/2010	6.76	7.16	8.09	9.1	7.78	6.00	7.00	6.75	0.0	0.0	16.16	
338	220338	NGUYỄN THỊ KIM THOÀ	Nữ	20/01/2010	6.55	7.4	8.24	8.93	7.78	6.00	4.75	4.75	0.0	0.0	13.18	
339	220339	NGUYỄN THỊ KIM THOẠI	Nữ	23/08/2010	6.41	7.01	6.81	7.84	7.02	4.00	2.25	3.00	0.0	0.0	8.58	
340	220340	TRẦN VÕ BÌNH THUẬN	Nam	05/02/2010	7.19	7.88	7.55	7.96	7.65	2.50	4.00	4.50	0.0	0.0	10.00	
341	220341	VÕ THỊ MAI THÙY	Nữ	30/08/2010	7.94	6.73	7.49	8.16	7.58	4.50	4.00	3.00	0.0	0.0	10.32	
342	220342	HỒ NGỌC ANH THƯ	Nữ	05/08/2010	6.8	7.31	7.41	7.59	7.28	3.25	2.50	2.50	0.0	0.0	7.96	
343	220343	HUỲNH ANH THƯ	Nữ	11/11/2010	6.9	5.95	5.59	7	6.36	5.25	1.75	4.25	0.0	0.0	9.78	
344	220344	LÊ TRẦN ANH THƯ	Nữ	01/07/2010	7.48	8.24	8.03	8.11	7.97	5.75	3.50	5.25	0.0	0.0	12.54	
345	220345	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	16/02/2010	7.35	7.91	7.49	8.21	7.74	4.75	3.00	7.50	0.0	0.0	13.00	
346	220346	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	17/04/2010	8.34	7.65	7.31	7.66	7.74	4.50	1.25	4.00	0.0	0.0	9.15	
347	220347	THẠCH MINH THƯ	Nữ	13/12/2009	6.01	7.13	7.63	7.89	7.17	4.75	2.75	4.75	1.0	0.0	11.73	
348	220348	VÕ ANH THƯ	Nữ	12/01/2010	8.53	8.63	9.03	8.63	8.71	5.50	5.50	4.25	0.0	0.0	13.29	
349	220349	VÕ THỊ MINH THƯ	Nữ	01/09/2010	6.99	7.98	8.25	7.73	7.74	6.25	2.50	4.50	0.0	0.0	11.60	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
350	220350	NGUYỄN TRÍ THỨC	Nam	13/03/2010	6.51	7.39	7.46	7.66	7.26	5.00	4.25	6.50	0.0	0.0	13.20	
351	220351	LÊ THỊ THỦY TIỀN	Nữ	26/07/2010	6.86	8.1	8.24	8.33	7.88	4.50	3.00	4.50	0.0	0.0	10.76	
352	220352	NGUYỄN THỊ HẠNH TIỀN	Nữ	30/01/2010	7.24	6.86	6.83	6.9	6.96	7.25	4.75	2.75	0.0	0.0	12.41	
353	220353	NGUYỄN THỊ BÍCH TIỀN	Nữ	30/01/2010	6.16	6.81	6.95	7.88	6.95	3.75	1.00	3.00	0.0	0.0	7.51	
354	220354	NGUYỄN MINH TIỀN	Nam	25/09/2010	9.11	9.25	9.36	9.71	9.36	6.25	8.00	7.50	0.0	0.0	18.03	
355	220355	PHẠM QUỐC TIỀN	Nam	14/07/2010	5.39	5.39	5.69	6.46	5.73	2.75	0.00	2.50	0.0	0.0	5.39	Liệt
356	220356	PHẠM THANH TIỀN	Nam	31/08/2010	8.08	8.7	8.24	8.49	8.38	4.75	4.00	4.25	0.0	0.0	11.61	
357	220357	TRẦN LÂM QUANG TÂN TIỀN	Nam	28/02/2010	5.9	5.39	5.53	6.49	5.83	3.25	2.50	3.50	0.0	0.0	8.22	
358	220358	TRẦN VĨNH TIỀN	Nam	04/02/2010	5.01	5.49	5.14	5.88	5.38	1.25	1.75	1.50	0.0	0.0	4.76	
359	220359	NGUYỄN TRỌNG TÍN	Nam	11/11/2010	7.5	8.89	8.41	8.35	8.29	4.75	3.00	5.00	0.0	0.0	11.41	
360	220360	NGUYỄN TRUNG TÍN	Nam	17/12/2010	8.58	8.64	8.95	8.81	8.75	4.75	9.00	8.50	0.0	0.0	18.20	
361	220361	PHAN NGUYỄN ĐỨC TÍN	Nam	02/10/2010	7.53	7.13	7.09	6.68	7.11	5.75	6.25	4.50	0.0	0.0	13.68	
362	220362	HUỖNH THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	17/01/2010	7.74	6.68	6.38	6.23	6.76	3.25	2.50	4.50	0.0	0.0	9.20	
363	220363	NGUYỄN DƯƠNG THỦY TRANG	Nữ	26/01/2010	8.03	8.6	8.54	8.71	8.47	6.25	7.25	2.75	0.0	0.0	13.92	
364	220364	PHẠM NGỌC TRANG	Nữ	04/09/2010	7.73	7.89	8.61	8.64	8.22	4.75	5.25	4.00	0.0	0.0	12.27	
365	220365	PHẠM YẾN TRANG	Nữ	04/09/2010	7.71	7.45	8.49	8.36	8	5.75	4.25	4.25	0.0	0.0	12.38	
366	220366	LÊ XUÂN TRÀ	Nữ	15/03/2010	7.78	7	7.3	8.38	7.62	5.75	5.75	4.50	0.0	0.0	13.49	
367	220367	NGÔ NGUYỄN HƯƠNG TRÀ	Nữ	25/08/2010	6.91	7.85	8.76	8.48	8	5.00	3.75	4.50	0.0	0.0	11.68	
368	220368	NGUYỄN THỊ THANH TRÀ	Nữ	23/04/2010	5.53	5.36	6.35	7.35	6.15	3.25	1.00	2.50	0.0	0.0	6.57	
369	220369	PHẠM THANH TRÀ	Nữ	05/10/2010	7.43	7.45	7.59	8.5	7.74	6.50	4.50	3.00	0.0	0.0	12.12	
370	220370	HUỖNH NGỌC TRÂM	Nữ	14/09/2010	7.73	8.3	8.03	8.36	8.11	4.75	2.75	7.50	0.0	0.0	12.93	
371	220371	LÊ BẢO TRÂM	Nữ	18/05/2010	8.68	8.46	8.76	8.29	8.55	4.25	3.25	4.25	0.0	0.0	10.79	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
372	220372	NGUYỄN THIỆN BÍCH TRÂM	Nữ	20/05/2010	7.65	8.28	8.68	9.28	8.47	7.75	5.75	5.75	0.0	0.0	16.02	
373	220373	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM	Nữ	30/06/2010	7.69	7.88	9.09	8.56	8.31	3.25	5.00	4.25	0.0	0.0	11.24	
374	220374	NGUYỄN THỊ THU TRÂM	Nữ	11/04/2010	6.31	6.76	6.96	7.39	6.86	4.50	2.50	3.50	0.0	0.0	9.41	
375	220375	TRẦN NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	25/08/2010	7.18	7.38	8.34	7.95	7.71	2.75	3.50	3.50	0.0	0.0	9.14	
376	220376	TRẦN THỊ MAI TRÂM	Nữ	26/01/2010	7.03	6.41	5.79	6.01	6.31	5.25	1.25	3.00	0.0	0.0	8.54	
377	220377	VÕ NGỌC TRÂM	Nữ	07/07/2010	8.6	9	8.86	8.2	8.67	5.50	4.00	4.50	0.0	0.0	12.40	
378	220378	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂN	Nữ	27/03/2009	7.5	6.5	8.38	8.21	7.65	4.25	2.50	4.50	0.0	0.0	10.17	
379	220379	NGUYỄN THỊ QUẾ TRÂN	Nữ	10/05/2010	7.29	7.66	7.3	7.6	7.46	5.50	4.00	4.00	0.0	0.0	11.69	
380	220380	TRẦN HẢI TRIỀU	Nam	13/01/2010	6.66	6.54	6.63	7.79	6.91	5.25	2.25	5.50	0.0	0.0	11.17	
381	220381	PHẠM MINH TRIẾT	Nam	10/09/2010	7.18	6.41	6.39	7.89	6.97	3.00	2.50	4.25	0.0	0.0	8.92	
382	220382	LÊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	17/11/2010	6.54	7.43	7.21	6.63	6.95	5.50	4.50	4.75	0.0	0.0	12.41	
383	220383	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	Nữ	04/02/2010	7.36	7.34	7.61	7.66	7.49	5.25	4.50	5.50	0.0	0.0	12.92	
384	220384	NGUYỄN THỊ TRUNG TRINH	Nữ	10/06/2010	6.81	6.63	6.65	6.71	6.7	4.00	0.00	2.25	0.0	0.0	6.39	Liệt
385	220385	LÝ MINH TRÍ	Nam	13/04/2010	5.05	4.95	5.13	6.74	5.47	4.75	2.50	6.50	0.0	0.0	11.27	
386	220386	NGUYỄN THÀNH TRÍ	Nam	23/07/2010	5.75	6.25	6.44	7.1	6.39	4.25	2.50	1.75	0.0	0.0	7.87	
387	220387	PHẠM MINH TRÍ	Nam	03/08/2010	6.89	6.8	6.86	6.56	6.78	5.25	2.50	4.25	0.0	0.0	10.43	
388	220388	BÙI HỮU TRỌNG	Nam	02/01/2010	6.86	8.19	8.26	8.11	7.86	4.25	1.50	4.25	0.0	0.0	9.36	
389	220389	ĐOÀN MINH TRỌNG	Nam	04/12/2008	8.78	8.71	8.51	8.29	8.57	6.75	5.75	4.00	0.0	0.0	14.12	
390	220390	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Nam	17/11/2010	7.68	6.56	7.18	7.54	7.24	4.00	3.00	4.00	0.0	0.0	9.87	
391	220391	VÕ PHÚ TRỌNG	Nam	01/03/2010	8.28	7.19	7.53	8.6	7.9	6.00	3.75	6.75	0.0	0.0	13.92	
392	220392	VƯƠNG MINH TRỌNG	Nam	15/08/2010	5.85	7.7	7.43	8.9	7.47	5.25	5.50	5.75	0.0	0.0	13.79	
393	220393	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	22/10/2009	6.61	7.05	6.3	6.89	6.71	2.50	1.25	4.50	0.0	0.0	7.79	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
394	220394	HUỖNH THỊ THANH TRÚC	Nữ	27/11/2010	5.5	6.15	6.85	6.49	6.25	5.00	5.00	2.75	0.0	0.0	10.80	
395	220395	LÊ DƯƠNG THỦY TRÚC	Nữ	22/07/2010	7	7.58	7.43	7.48	7.37	3.50	0.00	3.00	0.0	0.0	6.76	Liệt
396	220396	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	28/10/2010	8.5	7.36	6.79	8.08	7.68	4.50	2.25	3.75	0.0	0.0	9.65	
397	220397	NGUYỄN LÊ CÔNG TRƯỜNG	Nam	03/03/2010	9.13	8.84	9.1	9.2	9.07	7.00	7.00	7.50	0.0	0.0	17.77	
398	220398	TRƯỜNG TRUNG TRỰC	Nam	11/09/2010	8.68	7.89	7.81	7.76	8.04	4.25	1.50	2.50	0.0	0.0	8.19	
399	220399	LÊ ANH TUẤN	Nam	17/03/2010	5.68	5.89	5.74	5.73	5.76	3.25	1.00	2.00	0.0	0.0	6.10	
400	220400	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	Nam	21/10/2010	6.03	5.86	6.23	7.11	6.31	4.50	2.25	3.00	0.0	0.0	8.72	
401	220401	NGUYỄN TẤN ANH TUẤN	Nam	05/07/2010	7.91	8.06	7.59	8.3	7.97	5.00	6.00	3.25	0.0	0.0	12.37	
402	220402	LÊ THỊ THANH TUYỀN	Nữ	19/07/2009	7.1	7.34	8.16	7.86	7.62	5.25	2.75	3.00	0.0	0.0	9.99	
403	220403	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	Nữ	14/05/2010	7.1	7.1	7.41	7.2	7.2	5.00	3.25	5.00	0.0	0.0	11.44	
404	220404	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	20/05/2010	6.36	6.39	6.55	6.61	6.48	1.75	2.25	3.25	0.0	0.0	7.02	
405	220405	VÕ THỊ TUYỀN	Nữ	01/01/2010	8.59	8.38	8.88	8.44	8.57	6.50	5.50	6.75	0.0	0.0	15.70	
406	220406	DƯƠNG THÁI TÚ	Nam	14/02/2010	6.69	6.1	6.69	6.99	6.62	5.75	5.25	4.25	0.0	0.0	12.66	
407	220407	HUỖNH THANH TÚ	Nam	29/06/2010	7.68	8.04	8.61	8	8.08	5.25	4.00	4.50	0.0	0.0	12.05	
408	220408	NGUYỄN THANH TÚ	Nam	05/12/2010	7	7.99	7.8	8.55	7.84	5.00	4.25	5.00	0.0	0.0	12.33	
409	220409	NGUYỄN THỊ MỸ TÚ	Nữ	18/06/2010	5.39	5.74	6.14	6.49	5.94	3.00	3.50	3.00	0.0	0.0	8.43	
410	220410	BÙI THIÊN TƯỜNG	Nam	16/12/2010	5.79	5.51	6.49	6.56	6.09	2.25	2.75	4.00	0.0	0.0	8.13	
411	220411	NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	05/09/2010	9.06	8.9	8.65	8.68	8.82	6.17	5.25	5.50	0.0	0.0	14.49	
412	220412	NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	30/08/2010	8.55	8.98	9.23	8.84	8.9	4.67	7.75	6.00	0.0	0.0	15.56	
413	220413	CAO NHÃ UYÊN	Nữ	09/10/2010	8.61	8.01	8.18	8.45	8.31	6.42	6.25	5.75	0.0	0.0	15.39	
414	220414	PHAN CÔNG VÀNG	Nam	31/08/2009	6.3	5.93	6.89	7.14	6.57	5.00	2.75	5.75	0.0	0.0	11.42	
415	220415	ĐẶNG GIA VĂN	Nam	16/11/2009	5.73	6.28	7.18	7	6.55	3.25	2.00	3.75	0.0	0.0	8.27	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
416	220416	LÊ ĐOÀN HIẾU VÂN	Nữ	16/07/2010	5.71	5.65	6.14	6.7	6.05	4.00	4.50	3.25	0.0	0.0	10.04	
417	220417	LÊ KHÁNH VÂN	Nữ	15/09/2010	8.64	8.38	8.3	8.19	8.38	4.00	4.00	4.50	0.0	0.0	11.26	
418	220418	NGÔ THỊ HỒNG VÂN	Nữ	05/03/2010	7.46	7.65	7.39	7.7	7.55	6.00	6.00	6.25	0.0	0.0	15.04	
419	220419	ĐẶNG DƯƠNG THẢO VI	Nữ	08/01/2010	7.89	7.74	8.14	9.03	8.2	5.50	5.00	6.75	0.0	0.0	14.54	
420	220420	PHAN NGỌC TƯỜNG VI	Nữ	19/09/2010	9.09	8.48	8.38	8.68	8.66	6.00	6.00	8.50	0.0	0.0	16.95	
421	220421	NGUYỄN ĐOÀN VIÊN	Nam	10/08/2010	7.03	6.63	7.1	8.01	7.19	3.67	6.00	7.75	0.0	0.0	14.35	
422	220422	ĐOÀN QUỐC VIỆT	Nam	30/10/2010	6.24	5.79	6.31	7.35	6.42	2.00	1.00	7.00	0.0	0.0	8.93	
423	220423	HỒ QUANG VINH	Nam	24/01/2010	8.41	9.19	8.74	8.78	8.78	5.50	6.00	7.25	0.0	0.0	15.76	
424	220424	PHẠM THẾ VINH	Nam	25/06/2010	6.15	6.83	6.41	7.34	6.68	5.00	2.00	4.50	0.0	0.0	10.05	
425	220425	VÕ PHƯỚC VINH	Nam	05/03/2010	5.18	5.59	5.66	6.35	5.7	4.25	0.25	3.75	0.0	0.0	7.49	Liệt
426	220426	THÁI THIÊN VŨ	Nam	05/10/2010	6.19	6.28	6.14	7.63	6.56	3.25	2.75	6.00	0.0	0.0	10.37	
427	220427	BÙI THỊ THẢO VY	Nữ	30/11/2010	8.24	7.7	7.93	7.49	7.84	3.25	3.25	3.50	0.0	0.0	9.35	
428	220428	CAO NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	16/09/2010	7.19	7.45	7.03	7.28	7.24	3.50	1.50	2.75	0.0	0.0	7.60	
429	220429	CAO THỊ TƯỜNG VY	Nữ	30/04/2010	7.58	7.6	7.61	7.78	7.64	3.00	1.00	3.00	0.0	0.0	7.19	
430	220430	ĐẶNG TƯỜNG VY	Nữ	09/10/2010	7.95	7.86	8.25	8.25	8.08	5.75	6.75	4.00	0.0	0.0	13.97	
431	220431	LÊ THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	18/01/2010	8.11	8.61	8.36	7.84	8.23	5.50	4.50	2.50	0.0	0.0	11.22	
432	220432	LÊ THỊ TƯỜNG VY	Nữ	08/08/2010	7.63	8.6	7.93	7.79	7.99	5.33	4.00	2.50	0.0	0.0	10.68	
433	220433	MAI TƯỜNG VY	Nữ	24/08/2010	6.35	6.94	6.68	7.28	6.81	3.00	1.75	3.00	0.0	0.0	7.47	
434	220434	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG VY	Nữ	21/07/2010	7.73	7.14	6.93	7.71	7.38	6.00	2.50	3.25	0.0	0.0	10.44	
435	220435	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	29/10/2010	7.14	7.56	7.53	8.71	7.74	5.25	5.00	6.00	0.0	0.0	13.70	
436	220436	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	27/06/2010	8.25	7.3	8.53	7.93	8	5.00	4.50	5.00	0.0	0.0	12.55	
437	220437	NGUYỄN THỊ THÚY VY	Nữ	16/07/2010	5.64	6.8	7.26	7.46	6.79	4.75	1.50	2.75	0.0	0.0	8.34	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
438	220438	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	04/01/2010	8.28	8.45	8.8	8.46	8.5	5.50	3.75	4.25	0.0	0.0	12.00	
439	220439	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	16/10/2010	6.55	6.44	6.79	6.89	6.67	4.50	4.50	3.25	0.0	0.0	10.58	
440	220440	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	24/05/2009	7.63	6.84	7.76	7.79	7.51	5.25	2.00	5.25	0.0	0.0	11.00	
441	220441	PHAN LÊ KHÁNH VY	Nữ	28/11/2010	7.85	8.25	8.13	8.35	8.15	4.25	4.00	5.00	0.0	0.0	11.72	
442	220442	PHAN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	03/03/2010	5.76	5.64	6.01	5.91	5.83	2.75	1.50	1.75	0.0	0.0	5.95	
443	220443	PHẠM AN VY	Nữ	15/08/2010	6.43	7.7	7.48	8.23	7.46	6.00	3.25	5.75	0.0	0.0	12.74	
444	220444	TRẦN LÊ VY	Nữ	09/03/2010	9.13	9.4	9.35	9.41	9.32	6.00	8.25	8.50	0.0	0.0	18.72	
445	220445	TRẦN LÊ YẾN VY	Nữ	07/08/2010	5.73	5.76	6.18	7.19	6.22	4.75	2.50	3.75	0.0	0.0	9.57	
446	220446	TRẦN TRIỆU VY	Nữ	25/09/2010	5.53	5.48	5.56	5.75	5.58	3.75	4.00	2.25	0.0	0.0	8.67	
447	220447	TRẦN TƯỜNG VY	Nữ	09/02/2010	8.13	8.63	8.01	8.29	8.27	6.00	3.00	5.25	0.0	0.0	12.46	
448	220448	THÔNG TRẦN KHẢ XUÂN	Nữ	31/01/2010	8.21	7.98	7.43	8.64	8.07	7.75	2.25	5.25	1.0	0.0	14.10	
449	220449	LÂM THỊ KIM XUYỀN	Nữ	05/12/2010	8.01	8.7	9.25	8.83	8.7	7.00	3.50	5.25	0.0	0.0	13.64	
450	220450	HUỲNH NGỌC YẾN	Nữ	19/09/2009	7	6.8	6.4	8.06	7.07	5.50	3.75	4.00	0.0	0.0	11.40	
451	220451	LÝ HẢI YẾN	Nữ	26/11/2010	6.7	6.89	6.88	7.4	6.97	5.00	4.50	5.25	0.0	0.0	12.42	
452	220452	NGUYỄN HOÀNG HẢI YẾN	Nữ	23/08/2010	6.31	7.19	7.24	7.7	7.11	4.00	4.00	4.00	0.0	0.0	10.53	
453	220453	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	18/04/2010	7.74	7.91	7.75	7.89	7.82	5.25	6.00	4.00	0.0	0.0	13.02	
454	220454	ĐOÀN NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	09/11/2010	9.19	9.24	9.21	9.43	9.27	7.00	6.25	8.00	0.0	0.0	17.66	
455	220455	NGUYỄN NGỌC MỸ Ý	Nữ	13/03/2010	7.03	6.08	6.29	6.83	6.56	4.75	1.00	3.75	0.0	0.0	8.62	
456	220456	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	20/02/2010	5.98	6.4	6.64	7.2	6.56	4.75	5.75	4.50	0.0	0.0	12.47	
457	220457	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	02/01/2010	7.7	7.83	8.03	8.26	7.96	6.75	7.00	3.75	0.0	0.0	14.64	

Danh sách này có 457 thí sinh/

Cán bộ in



Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm



Võ Thùy Trang

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng